

TP.HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2023

## BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 06 THÁNG NĂM 2023

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-CAF**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-CAF đặt mục tiêu tăng trưởng vốn và tài sản của Nhà đầu tư, phấn đấu cao hơn mức tăng trưởng của Thị trường Chứng khoán Việt Nam (VN-Index) trong dài hạn, bằng việc đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

3. Thời hạn hoạt động: thời hạn hoạt động của quỹ không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản Cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định Pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những Nhà đầu tư có tên trên danh sách Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận Cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2023: 11.128.514,24 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: Không có

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Vào ngày 27/04/2023, Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF năm 2023:
  - ✓ Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 5.000.000 VNĐ/ tháng/ người.
  - ✓ Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban Đại diện Quỹ DFVN-CAF trong năm 2023 là: 180.000.000 VNĐ.
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) Công ty Kiểm toán KPMG, PWC và Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Quỹ DFVN-CAF;
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, bao gồm:
  - ✓ Ban Đại diện Quỹ được quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ thấp hơn mức 1,5%NAV/năm hoặc bằng mức 1,5%NAV/năm nhưng không vượt quá mức 1,5%NAV/năm như quy định tại Điều lệ Quỹ DFVN-CAF (Điều 61.1).
  - ✓ Mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể do Ban Đại diện Quỹ quyết định sẽ được quy định tại Bản Báo cáo bạch để áp dụng và thực hiện.

- ✓ Thời gian áp dụng mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể sẽ được Ban Đại diện Quỹ cân nhắc trên cơ sở làm việc với Công ty Quản lý Quỹ hoặc đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ.
- ✓ Ban Đại diện Quỹ được tối đa (02) lần quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trong thời gian kể từ khi Nghị Quyết này có hiệu lực cho đến khi Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư kế tiếp có hiệu lực.

9. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát (“NHGS”) về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“**thông tư 98**”):

Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“CTQLQ”) đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập và gửi các báo cáo tuần, tháng và quý của Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng DFVN (“DFVN-CAF”) theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

## II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục của Quỹ DFVN-CAF:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2023 (%)	30/06/2022 (%)	30/06/2021 (%)
1. Cổ phiếu niêm yết	92,11	92,01	94,16
2. Tiền và các khoản tương đương tiền	4,34	3,42	5,18
3. Tài sản khác	3,55	4,57	0,66
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

- Tỷ lệ phân bổ theo ngành của cổ phiếu niêm yết như bảng bên dưới:

Ngành	DFVN-CAF		
	30/06/2023 (%)	30/06/2022 (%)	30/06/2021 (%)
Tài chính	41,7	23,3	39,0
Bất động sản	8,2	7,1	17,8
Hàng tiêu dùng	9,9	17,1	7,9
Bán lẻ	2,4	9,3	3,6
Công nghiệp	5,5	10,6	6,8
Công nghệ thông tin	8,5	6,8	3,0
Vật liệu xây dựng	15,6	15,7	11,9
Tiện ích	4,9	7,2	5,7
Năng lượng	3,3	2,8	4,3
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Chỉ tiêu	30/06/2023	30/06/2022	30/06/2021
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND)	148.177.606.978	141.976.939.270	141.816.547.549
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	13.315,12	13.856,48	16.198,36
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	11.128.514,24	10.246.245,00	8.754.989,87
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ)	13.378,04	16.789,71	16.226,96
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ)	12.298,45	13.014,08	11.909,83

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)	30/06/2023	30/06/2022	30/06/2021
<b>Tổng thu nhập của Quỹ</b>	<b>13.078.846.809</b>	<b>(23.122.785.792)</b>	<b>32.214.916.507</b>
<i>Cổ tức được chia</i>	1.443.689.600	709.663.800	644.680.760
<i>Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư</i>	(4.708.871.322)	(1.010.347.338)	19.430.256.831
<i>Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện</i>	16.309.292.522	(22.887.054.152)	12.127.354.119
<i>Các khoản thu nhập khác</i>	34.736.009	64.951.898	12.624.797
<b>Tổng chi phí của Quỹ</b>	<b>1.876.004.535</b>	<b>2.139.177.868</b>	1.824.968.687
<b>Tổng lợi nhuận của Quỹ</b>	<b>11.202.842.274</b>	<b>(25.261.963.660)</b>	<b>30.389.947.820</b>

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

CHỈ TIÊU	Bán niên 2023 (%)	Bán niên 2022 (%)	Bán niên 2021 (%)
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ	1,49	1,48	1,49

trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ			
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,30	0,30	0,39
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ	0,20	0,22	0,28
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,11	0,10	0,13
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,13	0,12	0,15
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	2,67	2,83	3,07
Tốc độ vòng quay danh mục	170,45	218,26	223,72

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo:  
Không có

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

	<b>Bán niên 2023</b>	<b>Bán niên 2022</b>	<b>Bán niên 2021</b>
<b>Tổng lợi nhuận</b>	11.202.842.274	(25.261.963.660)	30.389.947.820

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ tính từ ngày thành lập (3/1/2019) tới ngày lập báo cáo:  
3,155,991,883 (VND)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06 năm</b>		
	<b>2023</b>	<b>2022</b>	<b>2021</b>
<b>1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i>	107.979.312.000	94.597.894.500	81.250.942.400
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)</i>	10.797.931,20	9.459.789,45	8.125.094,24
<b>2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>			
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)</i>	682.776,38	1.093.709,36	811.348,26

Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	6.827.763.800	10.937.093.600	8.113.482.600
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)	(352.193,34)	(307.253,81)	(181.452,63)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(3.521.933.400)	(3.072.538.100)	(1.814.526.300)
<b>3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>			
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	111.285.142.400	102.462.450.000	87.549.898.700
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)	11.128.514,24	10.246.245,00	8.754.989,87
<b>4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)</b>	<b>68,47</b>	<b>73,07</b>	<b>83,45</b>
<b>5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)</b>	<b>69,94</b>	<b>75,57</b>	<b>86,29</b>
<b>6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)</b>	<b>62,90</b>	<b>68,32</b>	<b>79,95</b>
<b>7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>	<b>1.219</b>	<b>1.070</b>	<b>782</b>
<b>8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND)</b>	<b>13.315,12</b>	<b>13.856,48</b>	<b>16.198,36</b>

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

**4. Khuyến cáo:** Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

### III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: *(thuyết minh này được trình bày tại báo cáo hàng năm của quỹ)*

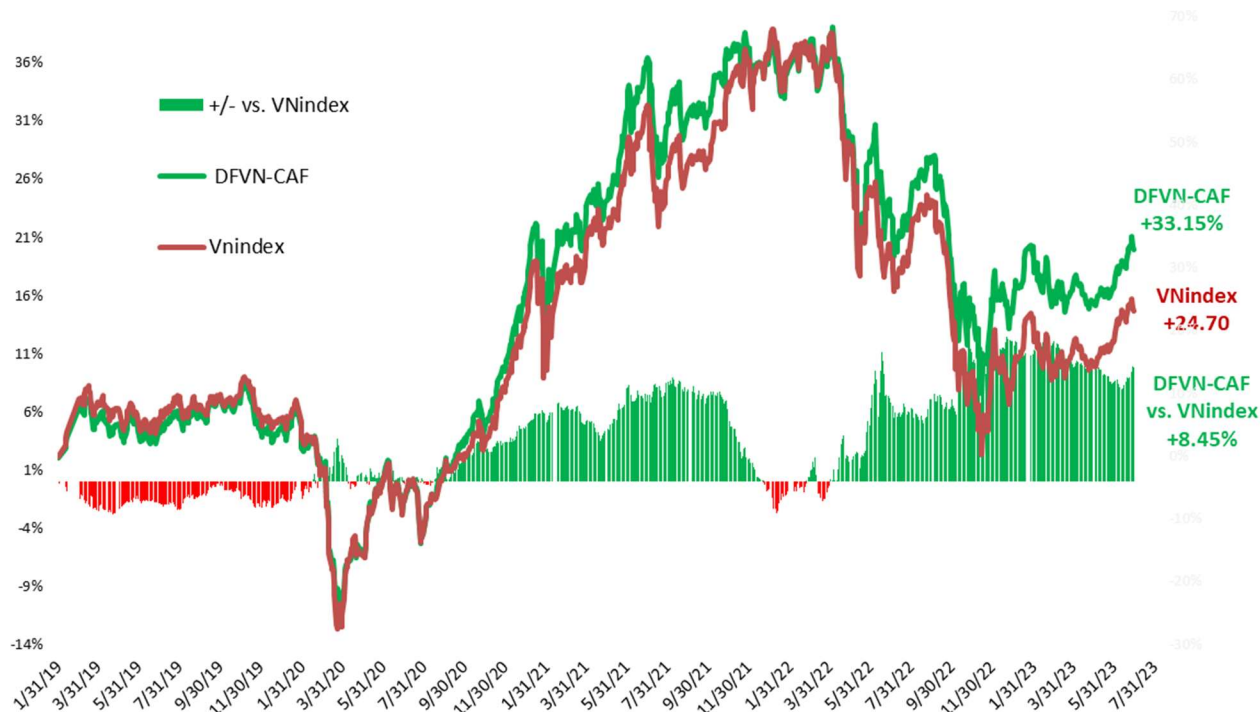
*Quỹ bắt đầu giải ngân ngày 10/01/2019 và hoàn tất giải ngân đến cuối tháng 01 năm 2019. Sau thời gian giải ngân ban đầu, Quỹ đã bắt nhịp thị trường và bắt đầu đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tốt từ cuối năm 2020.*

*Thị trường chứng khoán trong năm 2022 chứng kiến sự điều chỉnh mạnh khi dòng tiền đã rút ra sau nhịp tăng trưởng nóng trong năm 2021. Nhà đầu tư đã quay lại với sự lựa chọn cơ bản và giá*

trị nên các cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt đã thu hút dòng tiền và Quỹ có mức tăng trưởng lợi nhuận (performance) tốt hơn so với chỉ số VN-index.

Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm 2023, đặc biệt từ quý 2, dòng tiền ngắn hạn đổ vào thị trường, với một số mã cổ phiếu mang tính chất đầu cơ và có vốn hóa nhỏ đã tăng giá mạnh đẩy chỉ số VN-index tăng cao không bền vững. Do đó Quỹ đã có mức tăng thấp hơn chỉ số VN-index do danh mục của Quỹ chủ yếu nắm giữ các mã cổ phiếu cơ bản dài hạn

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị);



(Ghi chú: Quỹ hoàn tất giải ngân từ ngày 31/01/2019)

30/06/2023	1 Tháng	3 Tháng	6 Tháng	9 Tháng	YTD 2023	2022	2021	2020	Từ lúc giải ngân (10/01/2019)
DFVN-CAF	4.94%	4.81%	8.25%	1.11%	8.25%	-25.10%	30.05%	20.98%	33.15%
VN-Index	4.19%	5.22%	11.23%	-1.05%	11.23%	-32.78%	35.73%	14.87%	24.70%
<b>So với VN-Index</b>	<b>0.75%</b>	<b>-0.41%</b>	<b>-2.98%</b>	<b>2.16%</b>	<b>-2.98%</b>	<b>7.68%</b>	<b>-5.68%</b>	<b>6.11%</b>	<b>8.45%</b>

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): không áp dụng

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. (Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ):

Chiến lược đầu tư của Quỹ theo đúng chiến lược đã công bố tại Bản cáo bạch: Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết có mức vốn hóa lớn trên Thị

trường Chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn ngành nghề và công ty được thực hiện trên cơ sở đánh giá giá trị (value style), phân tích cơ bản (fundamental analysis) và đánh giá các yếu tố thị trường.

Điều kiện lựa chọn công ty như sau:

- Là công ty trong nhóm dẫn đầu ngành nghề kinh doanh
- Có tình trạng tài chính lành mạnh
- Có dòng tiền ổn định, chất lượng tài sản tốt
- Có hệ thống quản trị doanh nghiệp tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của Quỹ DFVN-CAF tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Thị trường chứng khoán 6 tháng đầu năm 2023 có sự phục hồi khá tốt so với năm 2022, đặc biệt là từ Quý 2 khi tâm lý của nhà đầu tư đã dần tích cực hơn sau khi các rủi ro về lạm phát, thắt chặt tiền tệ đã dần đạt đỉnh và đi vào giai đoạn cuối chu kỳ. Trong nước, lạm phát đã được kiểm soát tốt và giảm mạnh, tỷ giá ổn định, Chính phủ cũng đã thực thi chính sách nới lỏng tiền tệ với 4 lần hạ lãi suất điều hành. Chính sách tài khóa cũng được kỳ vọng và thúc đẩy mạnh.

Danh mục đầu tư của Quỹ cũng đã được cơ cấu lại, chuyển sang tăng tỷ trọng nắm giữ các mã cổ phiếu thuộc các ngành cơ bản thiết yếu như ngành tiêu dùng, dịch vụ, nguyên vật, công nghệ thông tin; và chọn lọc các doanh nghiệp lớn có nền tảng tốt trong khi giảm mạnh tỷ trọng nắm giữ ngành bất động sản, bán lẻ, cổ phiếu đầu cơ trước xu hướng lãi suất cao, suy giảm tiêu dùng trong và ngoài nước về ngắn hạn vẫn chưa phục hồi ngay lập tức.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 30/06/2023 đạt 13.315,12 tăng 8,25% so với giá trị tại thời điểm 31/12/2022 là 12.299,93. Mức tăng này thể hiện kỳ vọng sự tích cực của nền kinh tế so với 2022, đặc biệt là từ Quý 2 như tâm lý của nhà đầu tư bình tĩnh hơn khi các yếu tố tiêu cực trên thế giới cũng như trong nước đã được dự báo và nhận định rõ ràng hơn, các chính sách hỗ trợ nền kinh tế khá mạnh mẽ của Chính Phủ, chính sách tiền tệ nới lỏng... trong thời gian qua đã ngay lập tức được thị trường phản ánh, thanh khoản đã được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên trong nửa đầu năm 2023, Quỹ có mức tăng thấp hơn so với chỉ số VN-index khi Quỹ tăng tỷ trọng nắm giữ các mã cổ phiếu thuộc các ngành cơ bản thiết yếu như ngành tiêu dùng, dịch vụ, nguyên vật liệu (GMD, VNM, SAB, GAS, HPG), công nghệ thông tin (FPT); và các doanh nghiệp lớn có chọn lọc (VCB, BID, ACB, GVR...) trong khi giảm mạnh tỷ trọng nắm giữ ngành bất động sản, bán lẻ (nhóm VinGroup, NVL, MWG...) trước xu hướng lãi suất cao, suy giảm tiêu dùng trong và ngoài nước về ngắn hạn vẫn chưa phục hồi. Ngoài ra, Quỹ không đầu tư các cổ phiếu mang tính chất đầu cơ ngắn hạn, thanh khoản thấp. Tuy nhiên nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ, có tính chất đầu cơ này trong thời gian qua lại tăng mạnh và dẫn dắt thị trường.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips,



cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap).

Quý tập trung đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, thanh khoản cao của những doanh nghiệp dẫn đầu ngành, có nhiều lợi thế cạnh tranh, có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, năng lực quản trị tốt minh bạch, tiềm lực tài chính tốt và có khả năng sinh lời vượt trội. Đồng thời, Quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản vào cổ phiếu các công ty niêm yết có giá trị vốn hóa và thanh khoản mặc dù không cao nhưng định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ rệt trong tương lai.

Biểu đồ bên dưới thể hiện diễn biến chỉ số VN-index (dây màu xanh) và giá trị giao dịch (cột màu đỏ)



Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023 phục hồi khá tốt so với cuối năm 2022, phản ánh kỳ vọng của các nhà đầu tư vào thị trường trong nửa cuối năm 2023, khi các rủi ro của thị trường trong thời gian qua như lạm phát, thắt chặt tiền tệ, nhu cầu thấp đang dần đi vào giai đoạn cuối của chu kỳ. Cơ hội cho nền kinh tế sẽ tăng trưởng trở lại từ nửa cuối năm 2023 và 2024 càng rõ nét hơn. Chỉ số VN-index đóng cửa ngày 30 tháng 06 năm 2023 đạt 1.120 điểm tăng 11,2% so với cuối tháng 12 năm 2022. Số liệu HOSE cho thấy vốn hóa thị trường đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là hơn 190 tỷ USD so với gần 170 tỷ USD của cuối năm 2022. Tương tự, thanh khoản của thị trường cũng dần được cải thiện từ Quý II, giá trị giao dịch bình quân tăng mạnh lên 13.570 tỷ đồng/phiên từ mức 9.918 tỷ đồng/phiên trong Quý 1 năm 2023, tăng gần 37%.

Ngoài ra, sau giai đoạn Chính phủ kiểm soát các giao dịch bất hợp pháp trên thị trường chứng khoán, hoạt động phát hành trái phiếu kém chất lượng trong thời gian qua, nhiều cá nhân và tổ chức đã bị xem xét xử lý hình sự liên quan đến các hoạt động trên, điều này trong ngắn hạn đã gây tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư trong Quý 1 và đầu quý 2 năm 2023. Tuy nhiên trong dài hạn dự kiến thị trường vẫn có nhiều động lực tăng trưởng mới như hiệu quả kinh doanh của

doanh nghiệp có thể được cải thiện, chính sách kích cầu đã được Chính phủ triển khai trong năm 2023. Chính sách tiền tệ được nới lỏng nhằm hỗ trợ thanh khoản. Các giải pháp làm minh bạch hóa thị trường nhằm hướng đến việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trong vài năm tới bắt đầu được kỳ vọng và thực thi. Tuy nhiên, nhiều khó khăn trước mắt vẫn còn đó như suy giảm tiêu dùng trong nước, thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu do nhu cầu thế giới giảm, khả năng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp bị hạn chế khi các Ngân hàng đã siết chặt các điều kiện cho vay.

Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế hoặc các sự kiện tiêu cực sẽ qua đi và dần được điều chỉnh để giúp nền kinh tế phục hồi. Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành nền kinh tế vượt qua các giai đoạn khó khăn. Vì vậy chúng tôi tin rằng với nhiều giải pháp hợp lý trong điều hành vĩ mô thời gian gần đây cũng như nỗ lực đẩy lùi các hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường, giữ lạm phát và tỷ giá ổn định, hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng vv sẽ giúp thị trường chứng khoán dần phục hồi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại cùng với triển vọng tích cực hơn thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn. Các tổ chức quốc tế đều đồng thuận cho rằng nền kinh tế Việt Nam là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ hồi phục dần và tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Trong trung dài hạn thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ nhiều tiềm năng phát triển khi:

Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP cao, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải so với các quốc gia khác, tỷ giá giao động trong biên độ không quá lớn (dù có vài thời điểm và sự kiện đặc biệt làm tỷ giá biến động mạnh nhưng chỉ trong thời gian khá ngắn), tình hình thu hút FDI vẫn được duy trì chưa có dấu hiệu tiêu cực,... Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước trên chu kỳ kinh tế đi lên.

Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (chỉ số giá trên thu nhập P/E thấp hơn mức trung bình trong nhiều năm qua, và hấp dẫn hơn so với các thị trường khu vực trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, mức sinh lời trên tài sản ROA khá cao). Tầng lớp trung lưu tăng lên và tham gia ngày càng nhiều vào thị trường chứng khoán, thể hiện qua số tài khoản mở mới tăng mạnh trong 2 năm qua.

Ngoài ra, các yếu tố mang tính sự kiện, xúc tác tạo động lực tăng trưởng cho Thị trường Chứng khoán như (i) việc nới room cho Nhà đầu tư nước ngoài; (ii) thúc đẩy cổ phần hóa và niêm yết Doanh nghiệp Nhà nước. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công từ giai đoạn năm 2022-2023 cùng với gói hỗ trợ phát triển kinh tế đã được Quốc hội thông qua trong năm 2022; (iii) triển vọng nâng hạng Thị trường Việt Nam (FTSE Russel và MSCI Emerging Market); (iv) tích cực đẩy mạnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTAs); (v) thu hút vốn đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua các sản phẩm như quỹ chỉ số, hợp đồng tương lai, quyền chọn và Luật chứng khoán mới hiệu lực từ năm 2021.

Tuy nhiên chúng tôi vẫn khuyến nghị thận trọng với những rủi ro vĩ mô trên thế giới có thể tiếp tục xấu đi và ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế Việt Nam: lạm phát vẫn duy trì khá cao ở hầu hết các nền kinh tế lớn dù đang có xu hướng giảm xuống, môi trường lãi suất vẫn còn cao và chính sách thắt chặt tiền tệ có thể tiếp tục được kéo dài, hay các bất ổn địa chính trị là những ẩn số không lường trước được. Trong khi đó nhu cầu tiêu thụ toàn cầu có dấu hiệu suy giảm, “bóng ma” suy thoái ở một số nền kinh tế lớn đã bắt đầu xuất hiện. Đối với trong nước, rủi ro thị trường

*trái phiếu doanh nghiệp và nợ xấu của hệ thống ngân hàng chưa đo lường hết quy mô và bức tranh rủi ro ngày càng rõ ràng hơn. Việc giữ ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng như mục tiêu hiện nay được đánh giá là nhiệm vụ khá thách thức cho Chính Phủ.*

*Đánh giá chung, với các yếu tố cơ bản về giá trị kết hợp với các yếu tố định tính như phân tích ở trên cho thấy Thị trường Chứng khoán Việt Nam trong thời gian dài hạn sắp tới tiếp tục có những kịch bản sáng sủa cùng với kỳ vọng tiếp tục phục hồi dần và khởi sắc dần của nền kinh tế, tạo tiền đề cho sự phát triển lâu dài trong những năm tiếp theo; và dĩ nhiên bức tranh sáng sủa phải kèm theo những giả định về tác động từ các rủi ro từ bên ngoài không quá lớn, lạm phát và tỷ giá kiểm soát tiếp tục ổn định, rủi ro của hệ thống ngân hàng thương mại trong tầm kiểm soát.*

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không có thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

m) Các thông tin khác (nếu có): *không có*

## **VI. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023:**

1. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại điều 90, điều 91 của Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 điều 75 của thông tư 98: Không có.
2. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) mở:
  - 2.1. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 điều 36 của thông tư 98: Không có.
  - 2.2. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có.
3. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại điều 110 của Luật chứng khoán; điều 24, điều 25 và điều 35 của thông tư 98: không có.
4. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ: không có.

Chi tiết về phân phối chứng chỉ Quỹ:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 31/12/2022	: 10.797.931,20CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	: 682.776,38 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	: 352.193,34 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 30/06/2023	: 11.128.514,24 CCQ

5. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà Ngân hàng Giám sát phát hiện: không có
6. Các hoạt động khác: không có

## V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 30/06/2023:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với thu nhập	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở (%)	0,65	0,56	3,87
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (%)	0,59	0,50	3,52

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Không có

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (DFVN-CAF) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV  
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

*Trần Châu Danh*